

Số: 28/NQ-HĐND

Bình Thuận, ngày 12 tháng 7 năm 2023

**NGHỊ QUYẾT**

**Về kinh phí sự nghiệp ngân sách tỉnh đối ứng kế hoạch vốn năm 2022  
thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng  
đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi trên địa bàn tỉnh**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BÌNH THUẬN  
KHÓA XI, KỲ HỌP THỨ 15**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và  
Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;*

*Căn cứ Nghị quyết số 120/2020/QH14 ngày 19 tháng 6 năm 2020 của  
Quốc hội về việc phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia  
phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn  
2021 - 2030;*

*Căn cứ Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của  
Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu  
quốc gia;*

*Căn cứ Nghị định số 38/2023/NĐ-CP ngày 24 tháng 6 năm 2023 của  
Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 27/2022/NĐ-CP  
ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực  
hiện các chương trình mục tiêu quốc gia;*

*Căn cứ Quyết định số 1719/QĐ-TTg ngày 14 tháng 10 năm 2021 của Thủ  
tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế -  
xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai  
đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025;*

*Căn cứ Nghị quyết số 12/2022/NQ-HĐND ngày 23 tháng 8 năm 2022 của  
Hội đồng nhân dân tỉnh quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn  
ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện  
Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân  
tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến  
năm 2025 trên địa bàn tỉnh;*

*Căn cứ Nghị quyết số 22/NQ-HĐND ngày 23 tháng 8 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh về kế hoạch vốn ngân sách Trung ương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi năm 2022 trên địa bàn tỉnh;*

*Xét Tờ trình số 1984/TTr-UBND ngày 06 tháng 6 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh đề nghị ban hành Nghị quyết về kinh phí sự nghiệp ngân sách tỉnh đối ứng kế hoạch vốn năm 2022 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi trên địa bàn tỉnh; Báo cáo thẩm tra số 50/BC-HĐND ngày 27 tháng 6 năm 2023 của Ban Dân tộc Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.*

### **QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1.** Thống nhất kinh phí sự nghiệp ngân sách tỉnh đối ứng kế hoạch vốn năm 2022 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi trên địa bàn tỉnh là 5.373 triệu đồng, cụ thể như sau:

- Dự án 1: Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt: 249 triệu đồng.

- Dự án 3: Phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp bền vững, phát huy tiềm năng, thế mạnh của các vùng miền để sản xuất hàng hóa theo chuỗi giá trị: 2.484 triệu đồng.

- Dự án 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi và các đơn vị sự nghiệp công lập của lĩnh vực dân tộc: 796 triệu đồng.

- Dự án 5: Phát triển giáo dục đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực: 1.263 triệu đồng.

- Dự án 6: Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc thiểu số gắn với phát triển du lịch: 212 triệu đồng.

- Dự án 7: Chăm sóc sức khỏe Nhân dân, nâng cao thể trạng, tầm vóc người dân tộc thiểu số; phòng chống suy dinh dưỡng trẻ em: 79 triệu đồng.

- Dự án 8: Thực hiện bình đẳng giới và giải quyết những vấn đề cấp thiết đối với phụ nữ và trẻ em: 79 triệu đồng.

- Dự án 9: Đầu tư phát triển nhóm dân tộc thiểu số rất ít người và nhóm dân tộc còn nhiều khó khăn: 66 triệu đồng.

- Dự án 10: Truyền thông, tuyên truyền, vận động trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Kiểm tra, giám sát đánh giá việc tổ chức thực hiện Chương trình: 145 triệu đồng.

*(Chi tiết theo Phụ lục đính kèm)*

**Điều 2. Tổ chức thực hiện**

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết này.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Thuận khóa XI, kỳ họp thứ 15 thông qua ngày 12 tháng 7 năm 2023 và có hiệu lực kể từ ngày thông qua./.

**Nơi nhận:**

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Ủy ban Dân tộc;
- Bộ Tài chính;
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- Ban công tác Đại biểu - UBTV Quốc hội;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- Ban Thường trực UBMTTQVN tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh Bình Thuận;
- Các Ban HĐND tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành và đoàn thể tỉnh;
- Các Văn phòng: Đoàn ĐBQH tỉnh và HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- HĐND và UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Trung tâm Thông tin tỉnh;
- Lưu: VT, (CTHĐ.08) Tuệ.

**CHỦ TỊCH****Nguyễn Hoài Anh**

**Phụ lục**  
**KINH PHÍ SỰ NGHIỆP NGÂN SÁCH TỈNH ĐỐI ỨNG KẾ HOẠCH VỐN**  
**NĂM 2022 THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA PHÁT TRIỂN**  
**KINH TẾ - XÃ HỘI VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI**  
**TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH**

*(Kèm theo Nghị quyết số 28/NQ-HĐND ngày 12 tháng 7 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh)*

STT	Sở ban ngành tỉnh, các huyện (đơn vị đầu mối giao kế hoạch)	Ngân sách tỉnh đối ứng (15%) kế hoạch vốn SN năm 2022	Ghi chú
<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>5.373</b>	
<b>1</b>	<b>Dự án 1: Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt</b>	<b>249</b>	
	Huyện Tuy Phong	13	
	Huyện Bắc Bình	32	
	Huyện Hàm Thuận Bắc	66	
	Huyện Hàm Thuận Nam	19	
	Huyện Hàm Tân	15	
	Huyện Tánh Linh	98	
	Huyện Đức Linh	6	
<b>2</b>	<b>Dự án 3: Phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp, phát huy tiềm năng, thế mạnh của các vùng miền để sản xuất hàng hóa theo chuỗi giá trị</b>	<b>2.484</b>	
<b>2.1</b>	<b>Tiểu dự án 1: Phát triển kinh tế nông, lâm nghiệp gắn với bảo vệ rừng và nâng cao thu nhập cho người dân</b>	<b>2.295</b>	
-	Hỗ trợ khoán bảo vệ rừng	2.295	Giao UBND tỉnh phân khai chi tiết
<b>2.2</b>	<b>Tiểu dự án 2: Hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị, thúc đẩy khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp và thu hút đầu tư vùng đồng bào đồng bào DTTS&amp;MN</b>	<b>189</b>	
-	<i>Phân bổ vốn cho Ban Dân tộc tỉnh không quá 30% tổng số vốn của tiểu dự án</i>	57	
-	<i>Phân bổ cho các địa phương theo tiêu chí quy định</i>	132	

STT	Sở ban ngành tỉnh, các huyện (đơn vị đầu mối giao kế hoạch)	Ngân sách tỉnh đối ứng (15%) kế hoạch vốn SN năm 2022	Ghi chú
	Huyện Bắc Bình	5	
	Huyện Hàm Thuận Bắc	42	
	Huyện Hàm Thuận Nam	28	
	Huyện Tánh Linh	57	
<b>3</b>	<b>Dự án 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi và các đơn vị sự nghiệp công lập</b>	<b>796</b>	
3.1	<b>Tiểu dự án 1:</b> Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào DTTS và MN	796	
	Huyện Tuy Phong	362	
	Huyện Bắc Bình	365	
	Huyện Hàm Thuận Bắc	23	
	Huyện Hàm Thuận Nam	14	
	Huyện Tánh Linh	32	
<b>4</b>	<b>Dự án 5: Phát triển giáo dục và đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực</b>	<b>1.263</b>	
4.1	<b>Tiểu dự án 1:</b> Đổi mới hoạt động, củng cố phát triển các trường phổ thông dân tộc nội trú, trường phổ thông dân tộc bán trú, trường phổ thông có học sinh ở bán trú và xóa mù chữ cho người dân vùng đồng bào DTTS	1.166	
-	<i>Phân bổ vốn cho Sở Giáo dục và Đào tạo không quá 10% vốn sự nghiệp cho tiểu dự án 1</i>	117	
-	<i>Phân bổ cho các địa phương theo tiêu chí quy định</i>	1.049	Giao UBND tỉnh phân khai chi tiết
	Mỗi bộ tài liệu, sách giáo khoa, văn phòng phẩm cho người học (01 trường PT DTNT tỉnh và 04 trường DTNT huyện)	40	
	Mỗi đơn vị mua sắm trang thiết bị (01 trường PT DTNT tỉnh và 04 trường DTNT huyện)	1.009	

STT	Sở ban ngành tỉnh, các huyện (đơn vị đầu mối giao kế hoạch)	Ngân sách tỉnh đối ứng (15%) kế hoạch vốn SN năm 2022	Ghi chú
4.2	<b>Tiểu dự án 2:</b> Bồi dưỡng kiến thức dân tộc; đào tạo dự bị đại học, đại học và sau đại học đáp ứng nhu cầu nhân lực cho vùng đồng bào DTTS	7	
-	<i>Bồi dưỡng kiến thức dân tộc (phân bổ 100% vốn sự nghiệp cho Ban Dân tộc tỉnh)</i>	7	
4.3	<b>Tiểu dự án 3:</b> Dự án phát triển giáo dục nghề nghiệp và giải quyết việc làm cho thanh niên vùng đồng bào DTTS&MN	63	
-	<i>Phân bổ vốn cho Sở Lao động - Thương binh và Xã hội không quá 2,5% tổng vốn tiểu dự án</i>	2	
-	<i>Mỗi học viên được đào tạo nghề (phân bổ cho các địa phương triển khai thực hiện theo tiêu chí)</i>	61	Giao UBND tỉnh phân khai chi tiết
4.4	<b>Tiểu dự án 4:</b> Đào tạo nâng cao năng lực cho cộng đồng và cán bộ triển khai Chương trình ở các cấp	27	
-	<i>Phân bổ 100% vốn sự nghiệp cho Ban Dân tộc tỉnh</i>	27	
5	<b>Dự án 6:</b> Bảo tồn phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc thiểu số gắn với phát triển du lịch	212	Giao UBND tỉnh phân khai chi tiết
6	<b>Dự án 7:</b> Chăm sóc sức khỏe nhân dân nâng cao thể trạng, tầm vóc người DTTS; phòng chống suy dinh dưỡng trẻ em	79	
-	<i>Phân bổ vốn cho Sở Y tế không quá 10% tổng vốn sự nghiệp của dự án</i>	8	
-	<i>Phân bổ vốn cho các địa phương thực hiện theo tiêu chí quy định để mua sắm trang thiết bị thiết yếu trạm y tế các xã khu vực III, II,I; Nâng cao chất lượng dân số vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi</i>	71	Giao UBND tỉnh phân khai chi tiết
7	<b>Dự án 8:</b> Thực hiện bình đẳng giới và giải quyết những vấn đề cấp thiết đối với phụ nữ và trẻ em	79	
-	<i>Phân bổ vốn cho Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh không quá 12% tổng vốn sự nghiệp của dự án</i>	9	
-	<i>Phân bổ vốn cho Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh chủ trì thực hiện theo tiêu chí quy định</i>	70	Giao UBND tỉnh phân khai chi tiết

STT	Sở ban ngành tỉnh, các huyện (đơn vị đầu mối giao kế hoạch)	Ngân sách tỉnh đối ứng (15%) kế hoạch vốn SN năm 2022	Ghi chú
8	<b>Dự án 9: Đầu tư phát triển nhóm dân tộc ít người, nhóm dân tộc còn gặp nhiều khó khăn</b>	<b>66</b>	
8.1	<b>Tiểu dự án 2:</b> Giảm thiểu tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống trong vùng đồng bào DTTS&MN	66	
-	<i>Phân bổ vốn cho Ban Dân tộc tỉnh không quá 16% vốn của tiểu dự án.</i>	11	
-	<i>Phân bổ cho các địa phương theo tiêu chí quy định</i>	55	
	Huyện Tuy Phong	5	
	Huyện Bắc Bình	19	
	Huyện Hàm Thuận Bắc	13	
	Huyện Hàm Thuận Nam	8	
	Huyện Hàm Tân	1	
	Huyện Tánh Linh	8	
	Huyện Đức Linh	1	
9	<b>Dự án 10: Truyền thông, tuyên truyền, vận động trong vùng đồng bào DTTS&amp;MN. Kiểm tra, giám sát đánh giá việc tổ chức thực hiện Chương trình</b>	<b>145</b>	
9.1	<b>Tiểu dự án 1:</b> Biểu dương, tôn vinh điển hình tiên tiến, phát huy vai trò của người có uy tín; phổ biến, giáo dục pháp luật và tuyên truyền, vận động đồng bào; truyền thông phục vụ tổ chức triển khai thực hiện Đề án tổng thể và Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS&MN giai đoạn 2021 - 2030	121	
-	<i>Phân bổ vốn cho Ban Dân tộc tỉnh không quá 67% tổng vốn sự nghiệp của tiểu dự án</i>	81	
-	<i>Phân bổ cho các huyện theo tiêu chí</i>	40	
	Huyện Tuy Phong	4	
	Huyện Bắc Bình	14	

STT	Sở ban ngành tỉnh, các huyện (đơn vị đầu mối giao kế hoạch)	Ngân sách tỉnh đối ứng (15%) kế hoạch vốn SN năm 2022	Ghi chú
	Huyện Hàm Thuận Bắc	6	
	Huyện Hàm Thuận Nam	3	
	Huyện Hàm Tân	3	
	Huyện Tánh Linh	9	
	Huyện Đức Linh	1	
9.2	<b>Tiểu dự án 2:</b> Ứng dụng công nghệ thông tin hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo an ninh trật tự vùng đồng bào DTTS&MN	6	
-	<i>Phân bổ cho Ban Dân tộc tỉnh 100% vốn sự nghiệp thông tin truyền thông để thực hiện các hoạt động Hội nghị, hội thảo, buổi làm việc thành viên Tổ công tác và bộ phận giúp việc cho Tổ trưởng Tổ công tác liên quan đến công tác chỉ đạo, hướng dẫn và tổ chức triển khai thực hiện Chương trình</i>	6	
9.3	<b>Tiểu dự án 3:</b> Kiểm tra, giám sát, đánh giá, việc tổ chức thực hiện Chương trình	18	
-	<i>Phân bổ cho Ban Dân tộc tỉnh không quá 55% tổng vốn sự nghiệp tiểu dự án</i>	10	
-	<i>Còn lại phân bổ cho các huyện theo tiêu chí</i>	8	
	Huyện Tuy Phong (3 xã kv1)	1	
	Huyện Bắc Bình (10 xã kv1; 1 xã kv2)	2	
	Huyện Hàm Thuận Bắc (2 xã kv 1; 2 xã kv2; 1 xã kv 2)	2	
	Huyện Hàm Thuận Nam (1 xã kv 1; 1 xã kv 3)	1	
	Huyện Tánh Linh (6 xã kv 1; 1 xã kv 3)	2	